

BẢNG GIÁ SỐ 6

PHỤ LỤC 23: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI XÃ PHÙ CÁT

(Ban hành kèm Nghị quyết số 23/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai)

ĐVT: đồng/m²

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1 (Mặt tiền tuyến đường)	Vị trí 2	Vị trí 3
		Từ nơi	Đến nơi			
1	Bà Triệu	Quang Trung	Đường 3/2	3.680.000		
		Đường 3/2	Giáp đường Bắc Nam	2.210.000		
2	Biên Cương	Trộn đường		3.050.000		
3	Bùi Thị Xuân	Trộn đường		2.310.000		
4	Chu Văn An	Quang Trung	Giáp đường 3/2	3.680.000		
5	Đào Tấn	Trộn đường		3.570.000		
6	Điện Biên Phủ	Trộn đường		2.940.000		
7	Đinh Bộ Lĩnh	Quang Trung	Đường Bắc Nam	6.720.000		
8	Đường 3/2 (Quốc lộ 1A mới)	Chùa Hoa Nghiêm	Giáp đường Đinh Bộ Lĩnh	7.040.000		
		Đinh Bộ Lĩnh	Giáp đường Nguyễn Chí Thanh	12.000.000		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1 (Mặt tiền tuyến đường)	Vị trí 2	Vị trí 3
		Từ nơi	Đến nơi			
		Nguyễn Chí Thanh	Giáp ngã ba Quốc lộ 1A và đường 3/2	9.600.000		
9	Đường 30/3	Quang Trung	Giáp đường 3/2	9.140.000		
10	Hai Bà Trưng	Quang Trung	Đường 3/2	3.150.000		
11	Hồ Xuân Hương	Trộn đường		6.410.000		
12	Hòn Chè	Đông Chợ Bò	Giáp đường Mai Xuân Thưởng	1.890.000		
		Đoạn còn lại		1.260.000		
13	Hội Sơn	Trộn đường		4.200.000		
14	Lê Đức Cường	Trộn đường		3.680.000		
15	Lê Hoàn	Quang Trung	Khu quy hoạch dân cư An Kim	7.040.000		
		Khu quy hoạch dân cư An Kim	Giáp ranh giới xã Hòa Hội	2.310.000		
16	Lê Lợi	Trộn đường		5.670.000		
17	Lê Thánh Tông	Quang Trung	Giáp đường Nguyễn Trung Trực	6.090.000		
		Nguyễn Trung Trực	Giáp Suối Thó	8.930.000		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1 (Mặt tiền tuyến đường)	Vị trí 2	Vị trí 3
		Từ nơi	Đến nơi			
		Suối Thó	Giáp đường Bắc Nam	8.930.000		
18	Lý Công Uẩn	Quang Trung	Giáp đường Lê Lợi	3.680.000		
		Đoạn còn lại		3.150.000		
19	Lý Tự Trọng	Trộn đường		1.680.000		
20	Mai Xuân Thưởng	Trộn đường		3.780.000		
21	Ngô Lê Tân	Đường 3/2	Giáp đường Nguyễn Trung Trục	3.570.000		
		Nguyễn Trung Trục	Giáp dòng suối Thó	5.990.000		
		Dòng Suối Thó	Đường Bắc Nam	4.730.000		
22	Ngô Quyền	Quang Trung	Giáp đường 3/2	3.680.000		
		Đường 3/2	Giáp đường Nguyễn Du	2.420.000		
23	Nguyễn Chí Thanh	Giáp đường Quang Trung	Nguyễn Du	11.000.000		
		Nguyễn Du	Giáp ngã 3 đi Phú Nhon	11.000.000		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1 (Mặt tiền tuyến đường)	Vị trí 2	Vị trí 3
		Từ nơi	Đến nơi			
		Ngã 3 đi Phú Nhơn	Ngã 4 đường bê tông đi Nhà làm việc BCH quân sự xã Phù Cát	2.840.000		
24	Nguyễn Chí Thanh (các lô đất tái định cư)	Nguyễn Du	Giáp ngã 3 đi Phú Nhơn	8.090.000		
25	Nguyễn Du	Nguyễn Chí Thanh	Ngã sáu	2.940.000		
26	Nguyễn Tri Phương	Quang Trung	Giáp đường 3/2	7.980.000		
27	Nguyễn Hoàng	Trộn đường		3.050.000		
28	Nguyễn Hồng Đạo	Đường 3/2	Giáp đường Nguyễn Du	3.200.000		
29	Nguyễn Hữu Quang	Trộn đường		2.940.000		
30	Nguyễn Trung Trực	Trộn đường		8.930.000		
31	Nguyễn Văn Hiến	Trộn đường		2.940.000		
32	Núi Bà	Trộn đường		4.200.000		
33	Phạm Cần Chính	Trộn đường		1.260.000		
34	Phan Bội Châu	Trộn đường		3.570.000		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1 (Mặt tiền tuyến đường)	Vị trí 2	Vị trí 3
		Từ nơi	Đến nơi			
35	Phan Đình Phùng	Đường sắt	Quang Trung	2.840.000		
		Quang Trung	Đường 3/2	6.090.000		
		Đường 3/2	Suối Thó	2.940.000		
		Suối Thó	Đường Bắc Nam	6.160.000		
36	Quang Trung	Giáp đường Đinh Bộ Lĩnh	Giáp ngã 3 đường Quốc lộ 1A và đường 3/2	12.620.000		
		Chùa Hoa Nghiêm	Giáp tuyến đường Đinh Bộ Lĩnh	9.660.000		
37	Tăng Bạt Hổ	Trộn đường		2.630.000		
38	Thanh Niên	Đoạn còn lại		2.520.000		
		Đường 3/2	Giáp đường Lê Lợi	3.680.000		
		Quang Trung	Giáp đường 3/2	9.560.000		
39	Tôn Thất Tùng	Đường 3/2	Giáp đường Nguyễn Hữu Quang	3.780.000		
40	Trần Cao Vân	Trộn đường		1.580.000		
41	Trần Hưng Đạo	Ranh giới xã Cát Hiệp	Sông La Vĩ	2.840.000		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1 (Mặt tiền tuyến đường)	Vị trí 2	Vị trí 3
		Từ nơi	Đến nơi			
		Sông La Vĩ	Giáp đường Quang Trung	5.460.000		
		Quang Trung	Giáp đường 3/2	9.560.000		
		Đường 3/2	Giáp đường dọc Suối Thó (trừ Khu tái định khu dân cư Suối Thó)	7.770.000		
42	Trần Phú	Trộn đường		9.350.000		
43	Trần Quang Diệu	Đoạn còn lại		3.260.000		
		Đường Quang Trung	Giáp đường 3/2	2.840.000		
44	Trần Quốc Toàn	Trộn đường		8.720.000		
45	Triệu Quang Phục	Trộn đường		3.570.000		
46	Vũ Bảo	Trộn đường		2.940.000		
47	Quốc lộ 1A (Đoạn đi qua xã Phù Cát)	Ranh giới xã Hòa Hội và xã Phù Cát	Ngã ba giữa Quốc lộ 1A cũ và đường 3/2 (Quốc lộ 1A mới)	6.720.000		
		Ngã ba giữa Quốc lộ 1A cũ và đường 3/2 (Quốc lộ 1A mới)	Cầu Nha Đái (Cầu Hòa Đồng 1)	7.620.000		
		Cầu Nha Đái	Giáp ranh Phường An Nhơn Bắc	8.600.000		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1 (Mặt tiền tuyến đường)	Vị trí 2	Vị trí 3
		Từ nơi	Đến nơi			
48	Tuyến đường Quốc lộ 19B (Từ Cát Tiến đi Kiên Mỹ)	Ngã 3 thôn Chánh Liêm, xã Xuân An	Giáp ranh giới giữa thôn Hòa Đông, xã Phù Cát giáp với phường An Nhơn Bắc	2.420.000		
		Ranh giữa thôn Bình Đức, xã Phù Cát giáp với phường An Nhơn Bắc	Giáp Khu quy hoạch dân cư Sân bay Phù Cát	8.100.000		
49	Tuyến đường ĐT635 cũ (giáp đường Đinh Bộ Lĩnh đến ngã 3 Chánh Liêm, Cát Tường)	Đường Bắc Nam	Giáp đường Quốc lộ 19B	3.050.000		
50	Đường BTXM từ nhà Hà Ngọc Thiện (thôn Phong An) đến giáp kênh Văn Phong (thôn Phú Nhơn)	Đường BTXM từ nhà Hà Ngọc Thiện (thôn Phong An)	Giáp kênh Văn Phong (thôn Phú Nhơn)	1.040.000		
51	Đường bê tông thôn Hòa Đông (đường đi Núi ông Đậu)	Quốc lộ 1A	Núi ông Đậu	1.260.000		
		Núi ông Đậu	Giáp đường Quốc lộ 19B	920.000		
52	Đường bê tông thôn Hòa Đông (đường đi Xóm đông)	Quốc lộ 1A	Ngã ba Xóm Đông	1.260.000		
		Ngã ba Xóm Đông	Giáp Cầu Cây Sơn	920.000		
53	Đường bê tông từ QL1A- Tân Lệ	Đoạn từ Bưu điện văn hóa Cát Tân đi Tân Nghi (Phường An Nhơn)		1.000.000		
54	Đường bê tông thôn Kiều An (từ Quốc lộ 1A cũ đi 3/2)	Nhà ông Thân	Giáp đường 3/2	1.260.000		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1 (Mặt tiền tuyến đường)	Vị trí 2	Vị trí 3
		Từ nơi	Đến nơi			
55	Đường DT 635 cũ đi Cầu Cây Sơn	ĐT 635 cũ	Hết nhà ông Hà Luận	1.160.000		
		Nhà ông Hà Luận	Hết Cầu Cây Sơn	920.000		
56	Đường bê tông thôn Kiều An (từ Quốc lộ 1A đi xóm Kiều Thọ)	Quốc lộ 1A	Ngã ba xóm Kiều Trúc	1.260.000		
		Ngã ba xóm Kiều Trúc	Cầu Rù Rì	920.000		
57	Đường cấp phối	Phía Bắc Trung đoàn 739		3.150.000		
58	Đường phía Bắc Bệnh viện Phù Cát	Đường 3/2	Giáp đường Nguyễn Hữu Quang	3.780.000		
59	Đường Trần An Lộc	Trần Hưng Đạo	Hết Khu chăn nuôi tập trung	1.470.000		
60	Đường từ nhà ông Mơi đến đường 3/2	Quang Trung	Giáp đường 3/2 (bê tông 4m)	2.000.000		
61	Đường Lãm An Khương	Quang Trung	Giáp đường 3/2 (bê tông 4m)	1.470.000		
62	Đường Đông Chợ Bò	Trần Hưng Đạo	Giáp đường Hoàn Chè	1.580.000		
63	Đường phía Tây Chợ nông sản (QH)	Trần Hưng Đạo	Nghĩa địa Núi Đất	1.470.000		
64	Đường miếu Cây Đa (An Phong)	Đinh Bộ Lĩnh	Hết nhà ông Lê Xuân Trang	1.470.000		
65	Đường phía Tây nhà ông Hồ Xuân Lai	Đinh Bộ Lĩnh	Hết nhà ông Lê Văn Xuân	1.470.000		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1 (Mặt tiền tuyến đường)	Vị trí 2	Vị trí 3
		Từ nơi	Đến nơi			
66	Đường phía Tây nhà ông Đinh Thu	Đinh Bộ Lĩnh	Hết nhà ông Lê Bá Công	1.470.000		
67	Đường phía Nam nhà hàng Hải Yến	Lê Lợi	Giáp đường Nguyễn Hữu Quang	2.000.000		
68	Đường phía Tây trường tiểu học số 2 Ngô Mây	Trần Hưng Đạo	Hết nhà ông Trần Hoài Đức	1.580.000		
69	Đường chữ U Khu Gò Trại	Gồm các tuyến đường bê tông trong Khu dân cư Gò Trại		1.470.000		
70	Đường phía Đông nhà ông Quyền	Nhà ông Quyền	Hết nhà ông Hoàng	1.470.000		
71	Đường phía Nam nhà ông Hồng	Nhà ông Nguyễn Hồng	Hết nhà ông Nguyễn Văn Đủ	1.470.000		
72	Đường phía Tây Nhà công vụ	Trần Quốc Toàn	Giáp đường Lê Thánh Tông	2.840.000		
73	Đường bê tông (đường cụt)	Đường 3/2	Vườn nhà Lý Xuân Đạo	2.210.000		
74	Đường bê tông (thuộc Khu dân cư đường Nguyễn Hoàng)	Các đường bê tông thuộc Khu QHDC phía Nam đường Nguyễn Hoàng, Khu An Ninh		3.050.000		
75	Đường Lốp mẫu giáo An Bình	Trần Quốc Toàn	Giáp đường Thanh Niên	2.420.000		
76	Đường phía Nam rạp chiếu bóng Ngô Mây (cũ)	Quang Trung	Giáp đường Sắt	2.840.000		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1 (Mặt tiền tuyến đường)	Vị trí 2	Vị trí 3
		Từ nơi	Đến nơi			
77	Đường bê tông (phía đông chợ Phù Cát)	Trần Hưng Đạo	Giáp đường Phan Đình Phùng	4.410.000		
78	Đường phía Nam Cụm CN Gò Mít	Mai Xuân Thưởng	Giáp đường Trần Cao Vân	1.470.000		
79	Đường phía Nam Nhà thờ Phù Cát	Quang Trung	Ngã ba đường Biên Cương Núi Bà	2.000.000		
80	Đường bê tông phía Đông dòng suối Thỏ	Phan Đình Phùng	Quang Trung	2.420.000		
81	Đường bê tông phía Tây dòng suối Thỏ	Phan Đình Phùng	Quang Trung	3.050.000		
82	Đường Đông Tây (phía Bắc)	Quốc lộ 1A	Hết Công ty Nhà Bè	8.610.000		
83	Đường Bắc Nam	Công ty Nhà Bè	Giáp đường ĐT 635 cũ	8.610.000		
		ĐT 635 cũ	Giáp đường Đông Tây (phía Nam)	6.720.000		
84	Đường Đông Tây (phía Nam)	Đường Bắc Nam	Giáp đường Quốc lộ 1A	6.720.000		
85	Đường bê tông đi UBND xã Cát Trinh (cũ)	Ngã Tư giáp đường Nguyễn Chí Thanh	ĐT 635 cũ	3.470.000		
86	Đường nối từ Đường Bắc Nam đi xã Cát Trinh cũ đến giáp kênh Văn Phong	Cổng chào xã Cát Trinh cũ	Giáp ngã tư nhà ông Đào Duy Chánh	3.780.000		
		Đoạn còn lại		2.520.000		
87	Đường bê tông từ Quốc lộ 1A đi xã Hòa Hội	Quốc lộ 1A (nhà ông Sơn Quân)	Đường Sắt	1.890.000		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1 (Mặt tiền tuyến đường)	Vị trí 2	Vị trí 3
		Từ nơi	Đến nơi			
		Đoạn còn lại (giáp ranh giới xã Hòa Hội)		1.260.000		
88	Đường bê tông phía Nam Công ty Nhà Bè	Trộn đường		1.160.000		
89	Đường bê tông giáp đường Nguyễn Trung Trực đến Thị trấn Ngô Mây cũ	Nguyễn Trung Trực	Nguyễn Chí Thanh	1.470.000		
90	Mương Trị thủy đi giáp đường bê tông đi ngã sáu	Mương trị thủy đi	Giáp đường bê tông đi ngã sáu	920.000		
91	Đường Đông Tây đi trụ sở thôn Phú Kim	Giáp đường Đông Tây	Hết Trụ sở thôn Phú Kim	1.680.000		
92	Tuyến trung tâm xã (tuyến số 1)	Nhà ông Thái Lai	Giáp đường bê tông nhà ông Thầy Đào	1.260.000		
93	Tuyến trung tâm xã (tuyến số 3)	Đường bê tông Tây UBND xã	Giáp đường Đào Ký đi Cầu Bờ Tán	1.260.000		
94	Tuyến trung tâm xã (tuyến số 4)	Đường bê tông Tây UBND xã	Nhà ông Minh	1.260.000		
95	Đường nội bộ Khu dân cư bến xe			2.940.000		
96	Tuyến đường dọc mương (phía Đông Bến xe Phù Cát)	Quốc lộ 1A	Giáp đường Đông Tây (Phía Bắc)	3.470.000		
97	Đường phía đông hồ Kênh Kênh, bê tông xi măng, lộ giới 24m	Trộn đường		4.620.000		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1 (Mặt tiền tuyến đường)	Vị trí 2	Vị trí 3
		Từ nơi	Đến nơi			
98	Đường nối đường Nguyễn Chí Thanh (nối dài) đến giáp sân vận động	Trộn đường		5.670.000		
99	Đường bê tông phía nam Lê Thánh Tông	Đường bê tông Nguyễn Chí Thanh đi sân vận động	Giáp Suối Thó	4.730.000		
100	Đường nối từ Nguyễn Chí Thanh (nối dài) đến giáp đường phía Nam sân vận động (đường Phan Đình Phùng thị trấn Ngô Mây cũ)	Nguyễn Chí Thanh	Lê Thánh Tông	3.150.000		
		Lê Thánh Tông	Giáp đường Phan Đình Phùng	4.730.000		
101	Đường nối từ đường Bắc Nam đến giáp nhà ông Phan Trường Vui	Trộn đường		2.100.000		
102	Đường bê tông công viên Nguyễn Trung Trực	Trộn đường		6.090.000		
103	Đường bê tông phía bắc kho xăng dầu Thủy sản Hoài Nhơn	Đường Bắc Nam	Giáp đường bê tông UBND xã	1.790.000		
104	Đường bê tông nội bộ khu QHDC năm 2017	Nhà ông Võ Văn Vương	Giáp đường kênh kênh đi Chòi Bộ	2.630.000		
105	Đường Kênh Kênh đi Chòi Bộ đến giáp Gò Hào	Trộn đường		1.790.000		
106	Đường từ nhà ông Phan Văn Tùng đến giáp nhà ông Nguyễn Văn Quảng (đường vườn dừa Phong An)	Trộn đường		1.580.000		
107	Đường bê tông (Kênh kênh đi Chòi Bộ)	Đường Bắc Nam	Giáp đường đi hồ Suối Chay	1.580.000		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1 (Mặt tiền tuyến đường)	Vị trí 2	Vị trí 3
		Từ nơi	Đến nơi			
108	Đường bê tông	Đường bê tông nhà thầy Đào	Giáp ngã ba đường bê tông (phía Tây nhà ông Đào Rỡ)	1.580.000		
109	Đường bê tông (phía đông UBND xã)	Kênh Kênh đi Chòi Bộ	Giáp đường ĐT 635 cũ	1.580.000		
110	Đường bê tông nhựa	Nhà ông Mạc Văn Đoạt	Giáp ngã tư đường ngã sáu đi đường Nguyễn Chí Thanh	2.730.000		
		Đoạn còn lại		1.260.000		
111	Đường BTXM	Mương Trị thủy (nhà trẻ Ánh Dương)	Giáp đường ngã sáu đi Nguyễn Chí Thanh	1.470.000		
112	Khu dân cư An Khương (Điểm số 1)	Đường DT1 - Trộn tuyến		2.210.000		
113	Khu dân cư An phú (Điểm số 2)	Đường BN1 - Trộn tuyến		2.210.000		
		Đường DT1 - Trộn tuyến		2.000.000		
		Đường DT2 - Trộn tuyến		1.890.000		
114	Khu dân cư An Ninh (Điểm số 5)	Đường BN1 - Trộn tuyến		2.420.000		
		Đường DT2 - Trộn tuyến		2.000.000		
		Đường DT1 - Trộn tuyến		2.000.000		
115	Khu dân cư An Kim (Điểm số 6)	Đường DT1 - Trộn tuyến		2.210.000		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1 (Mặt tiền tuyến đường)	Vị trí 2	Vị trí 3
		Từ nơi	Đến nơi			
116	Khu dân cư Tây đường Sắt	Đường ĐS3 - Trộn tuyến		3.360.000		
		Đường ĐS2 - Trộn tuyến		3.470.000		
		Đường ĐS5 - Trộn tuyến		3.150.000		
117	Khu dân cư An Phong	Đường An Phong 3 - Trộn tuyến		2.100.000		
		Đường An Phong 4 - Trộn tuyến		2.100.000		
		Đường An Phong 5 - Trộn tuyến		2.100.000		
118	Các tuyến đường quy hoạch khu dân cư An Phong (đã đầu tư hạ tầng, phía Nam Trường Phổ thông trung học Ngô Mây)			2.100.000		
119	Trần Hưng Đạo (các lô tái định cư Suối Thó)	Đường 3/2	Giáp đường dọc Suối Thó	6.800.000		
120	Các tuyến đường nội bộ thuộc khu dân cư Suối Thó			4.200.000		
121	Các tuyến đường nội bộ thuộc khu dân cư Suối Thó (Trừ Khu tái định cư khu dân cư Suối Thó)			5.990.000		
122	Tuyến đường trong khu QH dân cư phía Tây sân vận động lộ giới 10m	Trộn đường		4.620.000		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1 (Mặt tiền tuyến đường)	Vị trí 2	Vị trí 3
		Từ nơi	Đến nơi			
123	Khu dân cư Đông hồ Kênh Kênh	Đường D1 - Trộn tuyến		11.550.000		
		Đường D2 - Trộn tuyến		7.350.000		
		Đường D3 - Trộn tuyến		7.350.000		
		Đường D4 (trừ các khu đất tái định cư) - Trộn tuyến		11.550.000		
		Đường D5 (trừ các khu đất tái định cư) - Trộn tuyến		7.350.000		
		Đường N1 - Trộn tuyến		7.350.000		
		Đường N2 - Trộn tuyến		7.350.000		
		Đường N3 - Trộn tuyến		8.400.000		
		Đường N4: Đường Nguyễn Trung Trực	Đường D4	11.550.000		
		Đường N4: Đường D4	Đường D6	7.350.000		
		Đường N5 (trừ các khu đất tái định cư) - Trộn tuyến		6.300.000		
124	Khu QH dân cư Đông nhà máy nước sạch Thị trấn Ngô Mây cũ	Đường DS1 - Trộn đường		3.780.000		
		Đường DS2 - Trộn đường		2.210.000		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1 (Mặt tiền tuyến đường)	Vị trí 2	Vị trí 3
		Từ nơi	Đến nơi			
		Đường DS3 - Trộn đường		2.210.000		
		Đường DS4 - Trộn đường		2.210.000		
125	Khu tái định cư khu dân cư Đông hồ Kênh Kênh	Đường N5		4.410.000		
		Đường D4		8.090.000		
		Đường D5		5.150.000		
126	Các tuyến đường còn lại trong khu QH dân cư phía Nam trường THCS Cát Trinh			2.210.000		
127	Khu QHDC gia đình quân nhân	Đường số 1 - Trộn đường		2.940.000		
		Đường số 2 - Trộn đường		2.730.000		
		Đường vành đai dự kiến - Trộn đường		2.730.000		
128	Khu QHDC cán bộ nhân viên Cảng hàng không	Đường số 2 - Trộn đường		2.730.000		
		Đường số 3 - Trộn đường		2.730.000		
		Đường ĐT 636 cũ - Trộn đường		2.940.000		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1 (Mặt tiền tuyến đường)	Vị trí 2	Vị trí 3
		Từ nơi	Đến nơi			
		Đường số 1 - Trộn đường		2.730.000		
129	Khu TĐC trước nhà hàng Thủy Tài	Đường gom tiếp giáp hành lang đường Quốc lộ 1A - Trộn đường		7.070.000		
130	Khu TĐC phía Nam cầu Kiều An (Đông QL 1A)	Đường gom tiếp giáp hành lang đường Quốc lộ 1A - Trộn đường		7.070.000		
131	Khu TĐC phía Nam cầu Kiều An (Tây QL 1A)	Đường gom tiếp giáp hành lang đường Quốc lộ 1A - Trộn đường		7.070.000		
132	Khu TĐC trước Nhà Thờ (Tây QL 1A)	Đường gom tiếp giáp hành lang đường Quốc lộ 1A - Trộn đường		7.070.000		
133	Khu TĐC trước Nhà Thờ (Đông QL 1A)	Đường gom tiếp giáp hành lang đường Quốc lộ 1A - Trộn đường		7.070.000		
134	Khu TĐC trước cây xăng (Đông QL 1A)	Đường gom tiếp giáp hành lang đường Quốc lộ 1A - Trộn đường		7.070.000		
135	Khu TĐC trước cây xăng (Tây QL 1A)	Đường gom tiếp giáp hành lang đường Quốc lộ 1A - Trộn đường		7.070.000		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1 (Mặt tiền tuyến đường)	Vị trí 2	Vị trí 3
		Từ nơi	Đến nơi			
		Đường bê tông mặt sau khu Nam cầu Kiều An (Đông Quốc lộ 1A, khu TĐC) - Trộn đường		4.420.000		
136	Khu Tái định cư thôn Tân Lệ phục vụ dự án đầu tư xây dựng đường cắt hạ cánh số và các công trình đồng bộ tại khu bay Cảng hàng không Phù Cát	Đường N1, lộ giới 20m		2.200.000		
		Đường N2, D3 lộ giới 12,5m		1.760.000		
		Đường N3, D1, D2 lộ giới 15m		1.980.000		
		Đường N4, N3, D4, D3 lộ giới 14m		1.870.000		
		Đường D4, lộ giới 13m		1.760.000		
137	Khu vực 1			600.000	510.000	430.000
138	Khu vực 2			510.000	430.000	360.000
139	Khu vực 3			440.000	370.000	330.000